

Số: 170.1/QĐ-HG

Hải phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số**  
**Năm học 2022-2023**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PT HERMANNGMEINER HP**

*Căn cứ Thông tư số 32/2011/TT-BGD&ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường có nhiều cấp học;*

*Thực hiện Thông báo số 386/TB-SGDĐT ngày 22/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng Kết luận của Giám đốc Sở GDĐT tại Hội nghị Tập huấn đánh giá mức độ chuyển đổi số các cơ sở giáo dục theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT và Quản trị CSDL ngành;*

*Thực hiện Kế hoạch số 164/KH-HG ngày 16/10/2023 của trường PT Hermann Gmeiner Hải Phòng về việc triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2022 - 2023;*

*Theo đề nghị của Hội đồng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2022 - 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2022 - 2023 gồm điểm đánh giá ở các tiêu chí theo bộ tiêu chí kèm theo.

**Điều 2.** Nhà trường niêm yết công khai Quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2022 - 2023.

Hoàn thiện hồ sơ, minh chứng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường năm 2023 nộp về Sở Giáo dục và Đào tạo để được phê duyệt và đánh giá.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt kết quả đánh tự giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2022 - 2023 là căn cứ để cơ quan quản lý kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu.



**Vũ Duy Nghị**

Hải phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2023

**KẾT QUẢ**  
**tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2022 - 2023**  
(Kèm theo Quyết định số 114/QĐ-CB ngày 26 tháng 10 năm 2023)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Điểm tự đánh giá	Ghi chú, minh chứng (Đối với các minh chứng là văn bản, quy chế của nhà trường, yêu cầu ghi rõ số, ngày ban hành, tên văn bản)
<b>I</b>	<b>Chuyển đổi số trong dạy, học</b>	<b>100</b>				
1.1	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)					Kế hoạch số 80/KH-CB ngày 03/10/2022
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến					Quyết định số 114/QĐ-
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)	30	Tối đa 6 điểm.	Mức độ 3 (30 điểm)	6 điểm	<a href="https://haiphong.hgs.edu.vn">https://haiphong.hgs.edu.vn</a>
	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.		Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.		24 điểm	





STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Điểm tự đánh giá	Ghi chú, minh chứng (Đối với các minh chứng là văn bản, quy chế của nhà trường, yêu cầu ghi rõ số, ngày ban hành, tên văn bản)
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm. - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa	Mức độ 3 (10 điểm)	10 điểm	<a href="https://ql.haiphong.edu.vn/manage-education-system/educational-plan">https://ql.haiphong.edu.vn/manage-education-system/educational-plan</a>
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	20	- Tối đa 15 điểm	Mức độ 2 (14 điểm)	12 điểm	
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		- Tối đa 5 điểm		2 điểm	
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	- <30%: tối đa 2 điểm; - 30%-60%: tối đa 4 điểm; - >60%: tối đa 7 điểm.	Mức độ 3 (20 điểm)	7 điểm	
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm;		7 điểm	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Điểm tự đánh giá	Ghi chú, minh chứng (Đối với các minh chứng là văn bản, quy chế của nhà trường, yêu cầu ghi rõ số, ngày ban hành, tên văn bản)
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm.		6 điểm	
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	<20%>: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; >60%: tối đa 8 điểm	Mức độ 3 (18 điểm)	8 điểm	
	Mức độ đáp ứng yêu cầu môn Tin học		Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm		5 điểm	
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		Tối đa 5 điểm		5 điểm	
2	<b>Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</b>	100				
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)					Quyết định số 91/QĐ-CB ngày 05/10/2022

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Điểm tự đánh giá	Ghi chú, minh chứng (Đối với các minh chứng là văn bản, quy chế của nhà trường, yêu cầu ghi rõ số, ngày ban hành, tên văn bản)
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số					Kế hoạch số 81/KH-CB ngày
2.3	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	70	Tối đa 6 điểm	Mức độ 3 (53 điểm)	6 điểm	Quyết định số 115/QĐ-CB ngày 24/12/2022  <a href="https://thptcatba.haiphong.edu.vn/homegd2">https://thptcatba.haiphong.edu.vn/homegd2</a>  <a href="http://truong.haiphong.edu.vn/">http://truong.haiphong.edu.vn/</a>  <a href="https://haiphong.qldb.vn/Login?ReturnUrl=%2f">https://haiphong.qldb.vn/Login?ReturnUrl=%2f</a>  <a href="https://qltsapp.misa.vn/login?company=haiphong&amp;budget=1059797&amp;username=admin">https://qltsapp.misa.vn/login?company=haiphong&amp;budget=1059797&amp;username=admin</a>
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		Tối đa 6 điểm		6 điểm	
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm		3 điểm	
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		Tối đa 6 điểm		6 điểm	
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		Tối đa 10 điểm		10 điểm	
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		Tối đa 10 điểm		10 điểm	
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		Tối đa 6 điểm		6 điểm	
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		Tối đa 6 điểm		6 điểm	
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	30	Tối đa 8 điểm	Mức độ 3 (20 điểm)	8 điểm	EnetViet



STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Điểm tự đánh giá	Ghi chú, minh chứng (Đối với các minh chứng là văn bản, quy chế của nhà trường, yêu cầu ghi rõ số, ngày ban hành, tên văn bản)
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		Tối đa 12 điểm		12 điểm	
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		Tối đa 10 điểm		5 điểm	